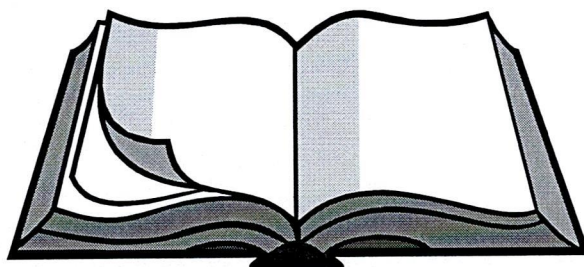




**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ  
( CANTCIMEX GROUP )**

**TÀI LIỆU  
PHỤC VỤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**



**TP Cần Thơ, tháng 4 năm 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**  
(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800553319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 22 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 20 tháng 6 năm 2020)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP Cần Thơ, ngày 28 tháng 04 năm 2025

## CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

**Thời gian tổ chức:** Từ 09:00 đến 11:20 ngày 28 tháng 04 năm 2025

**Địa điểm tổ chức:** Hội trường Công ty cổ phần Khoáng sản & xi măng Cần Thơ

**Địa chỉ:** Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ.

Thời gian	Nội dung
09:00 ÷ 09:15	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông
09:15 ÷ 09:30	Khai mạc Đại hội:
09:30 ÷ 10:20	Chủ tọa Đại hội, Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát trình bày về các nội dung nghị sự tại Đại hội và xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ.
10:20 ÷ 10:35	Giải lao
10:35 ÷ 10:50	Giải đáp ý kiến thắc mắc của cổ đông.
10:50 ÷ 11:10	Thông qua Biên bản và bế mạc Đại hội.
11:20	<b>Bế mạc Đại hội</b> <ul style="list-style-type: none"><li>○ Gửi lời tri ân đến cổ đông.</li><li>○ Tuyên bố bế mạc.</li></ul>

**Lưu ý:** Tất cả tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 gửi đến các cổ đông sẽ đồng thời được cập nhật trên Website công ty: ([http:// www.ximangcanthohaugiang.vn](http://www.ximangcanthohaugiang.vn)), Quý cổ đông có thể tải các biểu mẫu và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 từ địa chỉ này.



TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 04 năm 2025

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025**

### **PHẦN I**

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025**

#### **I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024 :**

##### **1. Nhận định chung :**

##### **a/ Khó khăn :**

- Năm 2024, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu tác động sâu rộng của những ảnh hưởng tiêu cực về nền kinh tế, thị trường bất động sản chậm phục hồi nên kinh doanh cũng gặp rất nhiều khó khăn. Kinh tế nước ta năm 2024 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao. Nhiều ngành nghề bị ảnh hưởng nghiêm trọng hầu hết các ngành, lĩnh vực, hoạt động kinh tế xã hội bị ngưng trệ và là năm thách thức với kinh tế Việt Nam. Trong đó có ngành sản xuất xi măng.

- Thị trường có nhiều loại xi măng thương hiệu mới, giá cả cạnh tranh gay gắt.

- Những tình hình khó khăn đó. Công ty phải tìm kiếm cơ hội và tận dụng những ưu thế hiện có để đẩy mạnh hoạt động sản xuất nhằm giữ vững mức tăng trưởng theo kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra.

##### **b/ Thuận lợi :**

- Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tín nhiệm thông qua sự phù hợp về giá cả, ổn định về chất lượng, chăm sóc khách hàng thường xuyên và chính sách khuyến mại hấp dẫn.

- Khu công nghiệp VSip huyện Vĩnh Thạnh khởi động có nhu cầu sử dụng xi măng và Bê tông

- Đội ngũ nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật kinh nghiệm, và hơn hết là chương trình thực hành tiết kiệm trong sản xuất đã góp phần rất lớn đến thành công của đơn vị.

- Công ty đầu tư thêm trạm trộn Bê tông 120m<sup>3</sup>/giờ, đã tạo thêm sự phong phú trong hoạt động kinh doanh và tạo sự gắn kết hỗ trợ tương trợ chặt chẽ, phát huy tối đa năng lực để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

#### **2. Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2024 của Công ty Mẹ và Công ty con :**

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2023(%)
<b>I</b>	<b>XI MĂNG (Cty Mẹ)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	250.863.479.851	103,5
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	234.721.024.896	102,9
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	143.908,45	95,94
	- Bê tông	M <sup>3</sup>	14.059,9	
4	Doanh thu thuần	Đồng	147.315.687.646	79,02
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	21.535.901.285	87,27
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.154.666.360	
7	Nộp ngân sách	Đồng	2.381.234.925	59,32
<b>II</b>	<b>Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	661.603.402.814	99,06
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	418.663.293.443	110,45
3	Doanh thu thuần	Đồng	911.308.213.177	93,2
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	54.719.017.023	106,54
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	50.128.193.835	102,45

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD :**

### **A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024 :**

#### **1. Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ :**

Trên cơ sở các Nhà phân phối, khách hàng truyền thống và gia công cho các đối tác.

- Sản xuất kinh doanh Xi măng: 143.908,45 tấn, đạt 95,94 % so với kế hoạch 150.000 tấn.

- Sản xuất kinh doanh Bê tông tươi: 14.059,9 m<sup>3</sup>

#### **2. Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.**

Năm 2024 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 tương đối ổn định. Những 06 tháng cuối năm 2024 do chi phí nguyên liệu tăng, cạnh tranh trong nước khốc liệt, rủi ro từ thị trường bất động sản chậm phục hồi nên kinh doanh cũng gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nhờ tăng trưởng đầu tư công nghệ và hạ tầng nên cũng góp phần tăng sản lượng cho những công trình này. Kết quả của năm 2024:



- Doanh thu đạt hơn 911 tỷ đồng, đạt 93,2% so với năm 2023.
- Xi măng : sản xuất 743.660 tấn, đạt 74,4% kế hoạch (1 triệu tấn).
- Gạch : sản xuất 4.414.903 viên, đạt 44% so với kế hoạch (10 triệu viên).
- Bê tông tươi : 49.689 m<sup>3</sup> đạt 90,3% so với kế hoạch (55.000m<sup>3</sup>).

## **B. KẾ HOẠCH TRONG NHỮNG NĂM TỚI :**

### **1. Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ :**

- Sản xuất kinh doanh và gia công xi măng: 145.000 tấn xi măng/năm.
- Sản xuất kinh doanh bê tông: 30.000 m<sup>3</sup>

### **2. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.**

- Để đạt hiệu quả cao trong những năm tới, cần có chiến lược tổng thể, kết hợp giữa tối ưu hóa sản xuất, đa dạng hóa thị trường và phát triển bền vững. Công ty tiếp tục nghiên cứu cho ra đời những sản phẩm chuyên dụng cho các công trình đường cao tốc, khu công nghệ cao, sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm chất lượng nhưng giá rẻ cho thị trường xây nhà ở công nhân,... .... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường xi măng Khu vực và các tỉnh Nam Bộ.

- Tiếp tục vận hành Trạm bê tông sản lượng đạt công suất 120 m<sup>3</sup>/giờ; Đồng thời kết hợp với Trạm bê tông với Công ty Mẹ trên Thốt Nốt, nhằm đáp ứng cho các công trình, dự án xây dựng lớn.

- Nghiên cứu, hợp tác để thành lập Nhà máy sản xuất kinh doanh phân hữu cơ, phân vi sinh trên cơ sở từ rác thải thông thường giai đoạn 2025-2028.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh gạch không nung trong năm 2025: Duy trì các Nhà phân phối hiện tại và sẽ tiếp tục ra thị trường các sản phẩm gạch theo nhu cầu nhằm đạt công suất khoảng 06 đến 08 triệu viên gạch.

### **3. Công ty cổ phần Bất động sản Cantcimex.**

- Tiếp tục kế hoạch giao nền Tái định cư cho các hộ dân theo qui định (còn 10 nền tái định cư), doanh thu dự kiến đạt 1.3 tỷ đồng và sẽ chính thức giải thể vào cuối quý 2/2025.

## **5. Các hoạt động khác :**

### **5.1. Công tác đoàn thể đời sống :**

- Năm 2024 đời sống vật chất và tinh thần của CB – CNV được nâng cao. Do tạo được công ăn việc làm ổn định đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/người

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác phục vụ cho công ty, tiếp tục hoàn

thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp hơn, vững chắc, năng động, phát động và xây dựng đời sống văn hoá, văn hóa công sở trong toàn Đơn vị gắn liền với công tác giữ gìn và bảo vệ môi trường.

### **5.2. Công tác đóng góp xây dựng và phúc lợi xã hội :**

Trong năm 2024, Công ty tham gia góp phần xây dựng xã hội, quan tâm hỗ trợ người nghèo, khó khăn và các chương trình hành động phúc lợi xã hội như: 2.539.640.240 đồng.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025**

#### **I. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 :**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Ghi chú
1	Sản xuất xi măng	Tấn	1.075.000	
	Bê Tông	M <sup>3</sup>	82.000	
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.238.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	75.000	
	- Xi măng Cần Thơ	Tr.đồng	15.000	
	- Xi măng Cần Thơ-HG	Tr.đồng	60.000	
4	Nộp NSNN	Tr.đồng	10.000	
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	10	

#### **II. Các giải pháp thực hiện kế hoạch :**

##### **1. Sản xuất kinh doanh xi măng :**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của toàn Công ty là: 1.075.000 tấn xi măng.

Để đạt được sản lượng 1.075.000 tấn/năm. Toàn thể CB – CNV Công ty nói chung và Bộ phận Phòng kinh doanh phải năng động, phát huy tối đa tiềm năng, tiềm lực và tích cực mở rộng thêm thị trường ở tất cả các Khu vực, đồng thời kết hợp với bộ phận Marketing phải thường xuyên quảng bá sản phẩm, thực hiện chăm sóc các khách hàng truyền thống để tăng sản lượng, kết hợp gia công cho Tophome, Star Home, Xi măng Hà Tiên và Xi măng Lavica....

Trong năm 2025 tận dụng những ưu thế của các Nhà phân phối : Vốn, kinh nghiệm kinh doanh, mạng lưới các đại lý, phương tiện vận chuyển để phát triển thị trường.

##### **a. Về tài chính :**



Tiếp tục sử dụng lợi nhuận của các năm trước, nguồn vốn từ các nhà phân phối và vốn vay của các ngân hàng và cá nhân nhằm đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho việc mua nguyên vật liệu sản xuất và thị trường kinh doanh đang cạnh tranh gay gắt.

b. Về nhân lực :

- Ban HĐQT công ty phải tập trung và giám sát chặt chẽ tình hình sản xuất và hoạt động kinh doanh, đồng thời phải có phương hướng và kế hoạch, giải pháp kịp thời để đáp ứng cho thị trường xi măng.
- Tất cả các phòng, ban của Công ty, đặc biệt là Phòng Kinh doanh và Marketing phải tập trung toàn tâm, toàn lực cho việc sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

**2. Trăm trộn bê tông tươi :**

Đã kịp thời cung cấp sản lượng bê tông cho các công trình trọng điểm của địa phương. Sản lượng bê tông tươi cung cấp cho thị trường ngày càng phát triển và đạt chất lượng tốt.

**III. Kết luận:**

Năm 2024, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB – CNV Công ty đã đoàn kết quyết tâm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo được việc làm ổn định cho người lao động trong toàn công ty với mức thu nhập tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2024 là năm có nhiều khó khăn, giá nguyên liệu tăng, sản phẩm xi măng cạnh tranh gay gắt.

Để đạt được kết quả như kế hoạch đã đề ra, đòi hỏi Chủ Tịch HĐQT cùng Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CB – CNV Công ty cố gắng nỗ lực hết sức mình để đưa việc hoạt động sản xuất kinh doanh đạt lợi nhuận cao nhất.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB – CNV Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn và chúc Quý đại biểu, Quý cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt./.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Chủ Tịch HĐQT



*Chải Minh Chuyết*

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**

Trước tiên, tôi xin phép thay mặt Ban Kiểm soát gửi đến Quý Cổ đông, Quý Đại biểu có mặt tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 lời chúc sức khỏe và thành đạt.

Kính thưa Quý Đại biểu !

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, Ban kiểm soát xin báo cáo hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2024 tới Đại hội đồng cổ đông như sau :

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính : kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh: xem xét, đánh giá các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo.

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT: xem xét, đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2024 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

4. Một số kiến nghị.

**Nội dung chính báo cáo :**

**1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính :**

Công tác kế toán Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Ban Kiểm soát đồng ý với các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập.



## **2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh :**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024 :**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>387.206.693.749</b>	<b>342.607.906.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>57.694.501.989</b>	<b>39.549.944.623</b>
1. Tiền	111		57.694.501.989	39.549.944.623
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.001.650.000</b>	<b>1.650.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>213.874.445.122</b>	<b>197.518.427.248</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	159.903.759.533	154.144.972.467
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	51.809.156.686	39.295.775.451
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.007.639.860	15.909.914.852
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.846.110.957)	(11.838.599.158)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	V.7		
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>84.147.303.487</b>	<b>86.881.532.940</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	84.147.303.487	86.881.532.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.488.793.151</b>	<b>18.875.678.200</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	11.358.310.138	18.584.086.729
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		130.483.013	24.488.697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	0	54.139.796
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>379.664.885.582</b>	<b>427.877.304.640</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.050.000.000</b>	<b>6.050.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		6.050.000.000	6.050.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>283.256.984.995</b>	<b>310.462.459.625</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.10</b>	<b>255.396.988.620</b>	<b>281.743.117.354</b>
- Nguyên giá	222		563.054.148.475	552.101.950.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(307.657.159.855)	(270.358.833.279)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.11</b>	<b>27.859.996.375</b>	<b>28.719.342.271</b>
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.433.734.030)	(9.574.388.134)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0



<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.489.180.572</b>	<b>17.353.502.916</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	16.489.180.572	17.353.502.916
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>62.770.000.000</b>	<b>82.770.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(7.526.141.310)	(7.526.141.310)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		62.770.000.000	82.770.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.098.720.015</b>	<b>11.241.342.099</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.191.662.588	6.334.284.672
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	0	4.907.057.427
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>761.964.521.904</b>	<b>770.485.211.037</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>250.902.994.088</b>	<b>297.173.332.158</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88.902.994.088</b>	<b>138.061.268.195</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	11.602.530.269	21.507.444.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.606.556.186	4.012.908.126
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	4.054.308.444	2.902.181.229
4. Phải trả người lao động	314	V.17	9.865.736.157	6.022.369.098
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	401.594.135	1.075.672.580
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	918.118.800	953.512.739
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	56.128.970.904	97.142.919.375
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.21	1.325.179.904	4.444.260.451
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>162.000.000.000</b>	<b>159.112.063.963</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	162.000.000.000	159.112.063.963
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>511.061.527.816</b>	<b>473.311.878.879</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>511.061.527.816</b>	<b>473.311.878.879</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>	<b>V.22a</b>	<b>61.199.000.000</b>	<b>61.199.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	61.199.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			



4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	-40.000	-40.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	11.216.659.272	11.216.659.272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>V.22a</b>	<b>403.824.725.305</b>	<b>365.563.714.537</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		349.848.152.489	298.004.062.876
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.976.572.816	67.559.651.661
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	0	511.361.831
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>761.964.521.904</b>	<b>770.485.211.037</b>

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2024

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	1.032.511.856.701	1.112.393.697.365
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52.512.658.851	38.859.418.951
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>979.999.197.850</b>	<b>1.073.534.278.414</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	863.733.916.156	942.421.341.665
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>116.265.281.694</b>	<b>131.112.936.749</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.890.583.684	3.772.466.777
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.084.220.236	16.529.464.727
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.816.134.742	16.529.464.727
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		0	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	30.786.268.916	28.204.947.341
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.175.011.129	13.428.902.778
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>69.110.365.067</b>	<b>76.722.088.680</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.7	158.982.777	451.413.654
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.546.736.138	3.975.130.141
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.387.753.361)</b>	<b>(3.523.716.487)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>65.722.611.706</b>	<b>73.198.372.193</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	6.972.058.113	6.621.373.954
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	4.907.057.427	(23.403.369)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>53.843.496.166</b>	<b>66.600.401.608</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		53.976.572.816	67.559.651.661
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(133.076.650)	(959.250.053)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.10a	8.706	10.897
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	8.706	10.897

Phần lớn lợi nhuận được thực hiện từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xi măng.



### **3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban kiểm soát :**

Hội đồng Quản trị gồm 04 thành viên và Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá cao tính năng động, kịp thời trong các hoạt động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản năm 2024 HĐQT Công ty và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua.

Thù lao Ban kiểm soát năm 2024: 9.324.197 đồng

### **4. Một số kiến nghị :**

Ban kiểm soát Công ty có một số đề xuất với HĐQT & Ban Tổng giám đốc công ty như sau:

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, hình thức tuyển dụng nhằm thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trên đây là một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. Rất mong được quý cổ đông đóng góp ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong thời gian tới.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 04 năm 2025

TM. Ban kiểm soát



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ' and 'M.S.D.N: 1803012345'. The center contains the text 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM' and 'Độc lập - Tự do - Hạnh phúc'. A blue ink signature is written over the stamp.

Nguyễn Thái Thanh Phong



## BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

### 1. Tổ chức Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ gồm 04 thành viên như sau :

- |                        |                           |
|------------------------|---------------------------|
| - Ông Thái Minh Thuyết | Chức vụ : Chủ tịch HĐQT   |
| - Bà Nguyễn Thị Út Em  | Chức vụ : Thành viên HĐQT |
| - Ông Thái Hoàng Tước  | Chức vụ : Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Minh Quang  | Chức vụ : Thành viên HĐQT |
| - Ông Thái Châu        | Chức vụ : Thành viên HĐQT |

### 2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo đến toàn thể Quý cổ đông về kết quả thực hiện năm 2024 như sau:

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ (%)
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.420.000	1.058.623	74.55
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	78.000	76.254	97.76
03	Mức cổ tức dự kiến	%	10	20	
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	10	10	100

### 3. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2024

Trong năm 2024 Công ty không tránh khỏi một số khó khăn về thị trường tiêu thụ xi măng.

Thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, tờ trình liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

Nhiệm kỳ này Công ty đã có những bước tiến vượt bậc trong công tác quản trị, cụ thể:

+ Tổ chức, củng cố, sắp xếp, tinh gọn và hoàn chỉnh cơ cấu các phòng ban trong Công ty, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban, bổ sung điều chỉnh Nội quy làm việc cho phù hợp với phương thức quản lý mới nhằm quản lý tốt nguồn vốn đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm chi phí cho Công ty.

+ Thảo luận và thông qua việc ban hành các quy chế, quy định liên quan đến việc quản lý điều hành Công ty như : Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế làm việc của Ban Tổng giám đốc,... Hội đồng Quản trị cũng xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát nhịp nhàng, hiệu quả theo đúng chức năng quyền hạn nhiệm vụ được quy định theo Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Xây dựng và nâng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 để kiện toàn bộ máy hoạt động, nâng cao thương hiệu.

+ Thu nhập bình quân người lao động không ngừng tăng qua các năm, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và tốc độ lạm phát của nền kinh tế, đảm bảo cho người lao động yên tâm trong công tác, tái tạo sức lao động và ngày càng cống hiến nhiều hơn cho Công ty.

Thù lao HĐQT của năm 2024: 36.449.135 đồng

#### **5. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2025.**

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2025
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.075.000
02	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	75.000
03	Mức cổ tức dự kiến	%	10%
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	10

#### **6. Kế hoạch kinh doanh năm 2025:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	1.238.000
2	Nộp ngân sách	10.000



STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
3	Lợi nhuận trước thuế	75.000
4	Lợi nhuận sau thuế	65.000
5	Thu nhập bình quân	Hàng năm tăng 3-7%

### **7. Một số hạn chế cần khắc phục trong năm 2024**

Ngoài những thành công nêu trên, Công ty còn một số hạn chế cần khắc phục để hoạt động ngày càng tốt hơn như :

Trong năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty tuy có khó khăn nhưng vẫn thực hiện tốt các chủ trương mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, sản phẩm chất lượng, nâng cao vị thế và thương hiệu Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, người lao động, nhiệt tình trong công tác xã hội, công tác từ thiện xóa đói giảm nghèo của Thành phố,...

Đây chính là kết quả của những nỗ lực không ngừng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng với quyết tâm rất lớn của tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty và sự hỗ trợ hiệu quả của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

Giống như các Công ty khác, Công ty đang phải đối mặt với những thách thức, khó khăn không thể dự báo hết được. Bên cạnh khó khăn do khách quan gây ra, Công ty phải khắc phục về nguồn nhân lực và những hạn chế về khả năng nguồn vốn để đưa Công ty phát triển vững chắc hơn nữa.

Trên đây là báo cáo tổng Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị.

Kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận, thông qua.

Chân thành cảm ơn Quý cổ đông !

**Cần Thơ, ngày 28 tháng 04 năm 2025**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**



**THÁI MINH THUYẾT**

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán sửa đổi số: 62/2010/QH12 do Quốc hội khóa 12 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua một số nội dung như sau :

**I. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C.**

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ công bố theo quy định, bao gồm :

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

**II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024 :**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>387.206.693.749</b>	<b>342.607.906.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>57.694.501.989</b>	<b>39.549.944.623</b>
1. Tiền	111		57.694.501.989	39.549.944.623
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.001.650.000</b>	<b>1.650.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.650.000	1.650.000



2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>213.874.445.122</b>	<b>197.518.427.248</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	159.903.759.533	154.144.972.467
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	51.809.156.686	39.295.775.451
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.007.639.860	15.909.914.852
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.846.110.957)	(11.838.599.158)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	V.7		
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>84.147.303.487</b>	<b>86.881.532.940</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	84.147.303.487	86.881.532.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.488.793.151</b>	<b>18.875.678.200</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	11.358.310.138	18.584.086.729
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		130.483.013	24.488.697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	0	54.139.796
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>379.664.885.582</b>	<b>427.877.304.640</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.050.000.000</b>	<b>6.050.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		6.050.000.000	6.050.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>283.256.984.995</b>	<b>310.462.459.625</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	255.396.988.620	281.743.117.354
- Nguyên giá	222		563.054.148.475	552.101.950.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(307.657.159.855)	(270.358.833.279)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.859.996.375	28.719.342.271
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.433.734.030)	(9.574.388.134)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.489.180.572</b>	<b>17.353.502.916</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	16.489.180.572	17.353.502.916
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>62.770.000.000</b>	<b>82.770.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(7.526.141.310)	(7.526.141.310)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		62.770.000.000	82.770.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.098.720.015</b>	<b>11.241.342.099</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.191.662.588	6.334.284.672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	0	4.907.057.427



3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>761.964.521.904</b>	<b>770.485.211.037</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>250.902.994.088</b>	<b>297.173.332.158</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88.902.994.088</b>	<b>138.061.268.195</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	11.602.530.269	21.507.444.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.606.556.186	4.012.908.126
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	4.054.308.444	2.902.181.229
4. Phải trả người lao động	314	V.17	9.865.736.157	6.022.369.098
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	401.594.135	1.075.672.580
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	918.118.800	953.512.739
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	56.128.970.904	97.142.919.375
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.21	1.325.179.904	4.444.260.451
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>162.000.000.000</b>	<b>159.112.063.963</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	162.000.000.000	159.112.063.963
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>511.061.527.816</b>	<b>473.311.878.879</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>511.061.527.816</b>	<b>473.311.878.879</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>	<b>V.22a</b>	<b>61.199.000.000</b>	<b>61.199.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	61.199.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	-40.000	-40.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	11.216.659.272	11.216.659.272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>V.22a</b>	<b>403.824.725.305</b>	<b>365.563.714.537</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		349.848.152.489	298.004.062.876
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.976.572.816	67.559.651.661
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	0	511.361.831



<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>761.964.521.904</b>	<b>770.485.211.037</b>

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2024

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	1.032.511.856.701	1.112.393.697.365
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52.512.658.851	38.859.418.951
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>979.999.197.850</b>	<b>1.073.534.278.414</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	863.733.916.156	942.421.341.665
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>116.265.281.694</b>	<b>131.112.936.749</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.890.583.684	3.772.466.777
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.084.220.236	16.529.464.727
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.816.134.742	16.529.464.727
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		0	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	30.786.268.916	28.204.947.341
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.175.011.129	13.428.902.778
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>69.110.365.067</b>	<b>76.722.088.680</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.7	158.982.777	451.413.654
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.546.736.138	3.975.130.141
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.387.753.361)</b>	<b>(3.523.716.487)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>65.722.611.706</b>	<b>73.198.372.193</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	6.972.058.113	6.621.373.954
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	4.907.057.427	(23.403.369)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>53.843.496.166</b>	<b>66.600.401.608</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		53.976.572.816	67.559.651.661
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(133.076.650)	(959.250.053)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.10a	8.706	10.897
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	8.706	10.897

### **III. THÔNG QUA BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025.**

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.

### **IV THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2025**

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét các báo cáo tài chính quý *(nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước)*:

- (1) Công ty Kiểm toán Mỹ ( AA)
- (2) Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học - AISC
- (3) Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính & Kiểm toán Việt Nam
- (4) Công ty Kiểm toán và Tư vấn ( A&C)
- (5) Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét các báo cáo tài chính bán niên.

### **V. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2024, KẾ HOẠCH CHIA CỔ TỨC TỐI THIỂU NĂM 2025.**

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lợi nhuận đạt được chia cổ tức trong năm 2024 là 20%.

#### ***\* Phân phối lợi nhuận năm 2024***

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất toàn bộ lợi nhuận năm 2024 sẽ được đầu tư vào Công ty Mẹ nhằm đầu tư, trang bị các máy móc thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất sản xuất và xử lý môi trường và trả cổ cổ tức cho cổ đông. Đồng thời bổ sung vào nguồn vốn lưu động do ngân hàng giảm hạn mức tín dụng.

\* Trích quỹ khen thưởng: 9% lợi nhuận sau thuế.

\* Trích quỹ phúc lợi: 1% lợi nhuận sau thuế.

***\* Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2024 và đề xuất thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025 :***

- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 : 0,5%/LNST
- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025 dự kiến: 0,5%/LNST.



**VI. THÔNG QUA VIỆC CHỦ TỊCH HĐQT LÀM NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY.**

Để thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc Chủ tịch HĐQT làm người đại diện pháp luật Công ty.

Trên đây là tờ trình của HĐQT về một số vấn đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

***Trân trọng!***

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD;
- Các thành viên Ban KS (để biết);
- Lưu: VT.

**T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**THÁI MINH THUYẾT**

Số : 01/2025/CCM

TP Cần Thơ, ngày 28 tháng 04 năm 2025

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Căn cứ các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/4/2025;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 28/4/2025.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 của Ban điều hành

**a. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024**

Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau :

**CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN :**

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2023(%)
I	<b>XI MĂNG (Cty Mẹ)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	250.863.479.851	103,5
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	234.721.024.896	102,9
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	143.908,45	95,94
	- Bê tông	M <sup>3</sup>	14.059,9	
4	Doanh thu thuần	Đồng	147.315.687.646	79,02
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	21.535.901.285	87,27
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.154.666.360	



7	Nộp ngân sách	Đồng	2.381.234.925	59,32
<b>II</b>	<b>Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	661.603.402.814	99,06
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	418.663.293.443	110,4
3	Doanh thu thuần	Đồng	963.820.872.028	98,57
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	54.719.017.023	106,54
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	50.128.193.835	102,45

**b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 :**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Ghi chú
1	Sản xuất Xi măng	Tấn	1.075.000	
2	Sản xuất gạch ống không nung	Tr/Viên	6-8 triệu	
3	Bê tông		82.000	
4	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.238.000	
5	Lợi nhuận trước thuế:	Tr.đồng	75.000	
	- Xi măng Cần Thơ	Tr.đồng	15.000	
	- Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang	Tr.đồng	60.000	
6	Nộp NSNN	Tr.đồng	10.000	
7	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	10	
8	Chia cổ tức tối thiểu	%/năm	10	

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024.

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

**Điều 4:** Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

Đại hội thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.)

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2025/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025)

**Điều 5:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch chia cổ tức năm 2025.

Đại hội thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch chia cổ tức năm 2025.

- Chia cổ tức năm 2024: 20%.
- Trích quỹ khen thưởng: 10% lợi nhuận sau thuế.
- Phân phối lợi nhuận năm 2024: (Chi tiết theo Tờ trình số 01/2025/TTr-ĐHĐCĐ

ngày 28 tháng 04 năm 2025)

**Điều 6:** Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024.

- Đại hội thông qua mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024: 0,5%/LNST. -
- Đại hội thông qua dự toán mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025: 0,5%/LNST

**Điều 7:** Thông qua việc Chủ tịch HĐQT làm người đại diện pháp luật Công ty

Đại hội thông qua Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật Công ty.

**Điều 8:** Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: Thư ký HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Chủ tọa**

**THÁI MINH THUYẾT**